

Chuyên đề: HÌNH TƯỢNG NGƯỜI PHỤ NỮ***QUA BA TÁC PHẨM : “VỢ CHỒNG A PHỦ” CỦA TÔ HOÀI, “VỢ NHẬT” CỦA KIM LÂN VÀ “ CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA” CỦA NGUYỄN MINH CHÂU***

Phụ nữ là đề tài quen thuộc trong nền văn học Việt Nam, nhất là những phụ nữ có số phận nhỏ bé, chịu nhiều đắng cay, tủi nhục. Đặc biệt trong giai đoạn 1945 đến hết thế kỉ XX, đề tài này đã được thể hiện khá đặc sắc qua nhiều nhân vật. Nổi trội hơn cả là hiện tượng Mị trong “vợ chồng A Phủ” của Tô Hoài, nhân vật “vợ nhật” và bà cụ Tứ trong tác phẩm cùng tên của Kim Lân và nhà văn Nguyễn Minh Châu, với hình ảnh người đàn bà hàng chài qua truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa”. Mỗi nhân vật đều mang mỗi hoàn cảnh, số phận đáng thương nhưng ở họ vẫn toát lên những phẩm chất đáng quý của người phụ nữ Việt Nam.

Đã từ rất lâu, hình ảnh người phụ nữ với số phận chìm nổi, đau thương trong sự bất công hà khắc của xã hội đã đi vào nền văn học Việt Nam. Qua những câu ca dao dân ca_ khúc hát tâm tình của người dân quê đã được lưu truyền qua bao năm tháng mà cụ thể hơn đó là những câu ca dao than thân đầy cảm thương. Ở đó hình ảnh người phụ nữ đã được hiện lên rất đậm nét với:

“Con cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non”
“Thân em như hạt mưa sa
Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày”
“Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai”

Có biết bao nỗi khổ mà người phụ nữ phải chịu đựng, nỗi khổ vật chất “ngày ngày hai buổi trôi nổi”, “ngày thì dãi nắng đêm thì dầm sương”. Nhưng nỗi khổ lớn nhất vẫn là nỗi khổ về tinh thần, nỗi khổ của thân phận mong manh, bị động, ít giá trị. Thân phận họ chỉ được ví với “hạt mưa sa”, “tấm lụa đào”... Ta có thể cảm nhận được nỗi khổ xót xa của người phụ nữ khi đọc những câu ca dao ấy. Nhưng ở họ luôn có những phẩm chất tốt đẹp, vậy mà trong cái xã hội lúc bấy giờ, người đời đâu có biết và coi trọng. Cả đời họ chỉ làm lụi, cam chịu trong sự đau khổ,

nhọc nhằn. Và dường như sự bất hạnh ấy của người phụ nữ là một hằng số chung cho tất cả.

Có ai đó đã nói, nếu dùng một từ để nói về số phận người phụ nữ trong xã hội bấy giờ thì đó là: “tủi nhục”. Quãng thời gian họ sống trên đời được đo đếm bằng nỗi khổ đau mà họ phải gánh chịu. Có biết bao người phụ nữ đã phải ngậm ngùi trong số phận của mình:

“Trách cha, trách mẹ nhà chàng
Cầm cân chẳng biết là vàng hay thau
Thực vàng chẳng phải thau đâu
Đừng đem thử lửa mà đau long vàng”

hay:

“Lấy chồng làm lẽ khổ thay
Đi cấy đi cày chị chẳng kể công
Tối tối chị giữ mắt chồng
Chị cho manh chiếu, nằm không chuồng bò

Khao khát của người phụ nữ ở đây không phải là cái khao khát cao sang mà là những khao khát hạnh phúc chính đáng nhất của một con người. Vì thế họ đã nhẫn nhục:

“Đói lòng ăn nắm lá sung
Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng”
“Chồng con là cái nợ nần
Thà rằng ở vậy nuôi thân béo mồm”

Nhưng dù sống bất hạnh tâm hồn người phụ nữ vẫn sáng lên lấp lánh ánh sáng của trái tim đôn hậu, cao thượng vị tha.

Quên đi những nhọc nhằn, vất vả của cuộc sống lao động, những người phụ nữ bình dân ấy cũng có những phút giây sống cho cảm xúc riêng tư, cũng trải qua các cung bậc nhớ nhung của một trái tim mới yêu

“Gió sao gió mát sau lưng
Dạ sao dạ nhớ người dung thế này”

Có khi lại khao khát vượt ra khỏi phép tắc của thời xưa để tìm đến hạnh phúc riêng tư nhỏ bé.

“Ước gì sông rộng một gang
Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi”

Ở người phụ nữ, tình yêu thương, lòng thủy chung luôn được đề cao, trân trọng

“Trăng tròn chỉ một đêm rằm
Tình duyên chỉ hẹn một lần mà thôi”

Từ trong khổ đau, bất hạnh, từ trong tiếng hát than thân đầy tủi cực, tâm hồn trung hậu, đẹp đẽ, thủy chung của người phụ nữ vẫn vương lên, toả sáng khiến cho tiếng hát than thân kia không mang vẻ bi lụy mà vẫn ngân vang, ấm áp tình đời, tình người. Ca dao đã phản ánh đầy đủ những vẻ đẹp đó của họ - những con người thủy chung son sắc, giàu tình nghĩa. Họ như những viên ngọc thô mà thời gian bất hạnh, khổ đau là chất xúc tác mài giũa ngày càng toả sáng lấp lánh

Không dừng lại ở đó, mảng văn học trung đại vẫn tiếp bước, gìn giữ và khai thác nét đẹp trong tâm hồn người phụ nữ. “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ, một người phụ nữ với nỗi oan thấu trời đã phải lấy cái chết để chứng minh sự trong sạch của mình. Toát lên vẻ đẹp thủy chung, hiền thực, là một người vợ hiền, dâu thảo. Như Thuý Kiều trong truyện Kiều của người Nguyễn Du, ấy là một hình tượng bất hủ trong lịch sử văn học dân tộc. Trong hình ảnh Kiều có đủ biết bao nhiêu là số phận, là cảnh ngộ: một trang tuyệt sắc, một người tình thủy chung, một đứa con hiếu thảo, một bậc phu nhân đường bệ, một cô gái bị ép làm gái lầu xanh “sống làm vợ khắp người ta”. Thế mà từ sông Tiền Đường trở về, đáp lại lời cầu xin của Kim Trọng, nàng vẫn còn có thể nói”

“Chữ trinh còn một chút này
Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan”

Chữ trinh, với Nguyễn Du, với Kiều, và tất cả thế giới Truyện Kiều đã trở nên lung linh đa nghĩa. Kiều – đó là một sự kết tinh của tài và tình, của tình và hiếu, của tài hoa và mệnh bạc, của những oan khổ, chịu đựng không mấy được bù đắp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. Như thế, trong văn học trung đại đã bước đầu hoàn thiện bản chân dung cả về ngoại hình lẫn tâm hồn của người phụ nữ

- tài hoa, bạc mệnh.

Theo dòng chảy của lịch sử văn học Việt Nam, hình ảnh người phụ nữ vẫn xuyên suốt trong các tác phẩm. Trong thời chiến cũng như trong thời bình, người phụ nữ Việt Nam hiện diện ở nhiều vị trí trong cuộc đời đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong nền văn học hiện đại. Với những phẩm chất tốt đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt nam, những cung bậc cảm xúc phức tạp, những trăn trở cuộc đời. Họ đã đến và để lại trong lòng độc giả những ấn tượng thật đậm nét, khó phai mờ. Sống trong cảnh ngộ chung của mọi người dân Việt Nam những năm tháng đất nước còn lầm than, vất vả nhưng đối với người phụ nữ, sự vất vả đó dường như càng nặng nề hơn. Hình ảnh chị Dậu được Ngô Tất Tố vẽ lên trong tác phẩm “Tắt đèn” là một hình ảnh người phụ nữ lam lũ, gánh vác tất cả các công việc nặng nhọc trong nhà. Không những nộp sưu cho chồng, chị còn phải nộp cho em chồng - một người đã chết. Đánh phải đứt ruột bán con, đau đớn khi nhìn chồng bị đánh đập gần chết. Bao cơ cực, khổ đau đều dồn lên đôi vai bé nhỏ, gầy guộc của chị. Không chỉ có vậy, còn có những người phụ nữ đến quyền tự do yêu đương, nhu cầu hạnh phúc chính đáng như bao người khác cũng bị ngăn cản. Thị Nở trong tác phẩm “Chí Phèo” của Nam Cao_ một con người sinh ra đã không được ông trời ban cho nhan sắc, vậy mà chuyện tình duyên cũng không được trọn vẹn. Thị Nở muốn được chung sống với Chí Phèo, muốn chăm sóc cho Chí nhưng đâu có được. Làng xóm chê cười, bà dì của Thị lại ngăn cấm. Cuộc đời của người phụ nữ thật bất công, chịu nhiều đắng cay, tủi nhục, nhưng ở họ luôn sáng ngời vẻ đẹp nhân phẩm. Họ chính là những đại diện tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam có cuộc đời bất hạnh.

Qua nhiều giai đoạn lịch sử, vị trí thay đổi, nhưng hình ảnh người phụ nữ vẫn nổi bật trong văn học Việt Nam từ xưa đến nay. Các nhà thơ, nhà văn luôn hướng về những phụ nữ có số phận bất hạnh, thiệt thòi, đau khổ. Họ thông cảm, khóc thương cho thân phận nhỏ bé. Với cái nhìn nhân đạo của mình, các nhà thơ, nhà văn đã làm nổi bật lên những phẩm chất cao quý sáng ngời của người phụ nữ Việt Nam.

Góp vào nền văn học nước nhà, Tô Hoài với tác phẩm “Vợ chồng A Phủ”, Kim Lân với “vợ nhặt” và tác phẩm “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu càng tô đậm hơn hình tượng người phụ nữ. Những nhà văn này đã góp lên tiếng nói chung- tiếng nói nhân đạo đối với họ. Không những thể hiện sự quan tâm, thông cảm, đồng cảm với những số phận bất hạnh này mà những nhà văn còn trân

trọng, ngợi ca những phẩm chất cao quý của người phụ nữ.

Đến với “Vợ chồng A Phủ”, ta bắt gặp hình ảnh Mị-một người phụ nữ dân tộc Mèo bất hạnh với sức sống tiềm tàng mãnh liệt. Đọc “Vợ nhặt” của Kim Lân, ta cảm thấy xót xa cho cô vợ với niềm khao khát được sống, được tồn tại đến cháy bỏng. Rồi ta lại khóc thương cho số phận của người đàn bà hàng chài trong “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu- một người phụ nữ cam chịu và giàu đức hi sinh.

“Vợ chồng A Phủ” là một truyện ngắn được rút từ tập truyện Tây Bắc của Tô Hoài, viết vào năm 1953, ngay sau chuyến thâm nhập thực tế của tác giả. Đây là truyện ngắn đặc sắc nhất của Tô Hoài nói riêng và của văn xuôi chống Pháp nói chung. Tác phẩm là một bức tranh chân thực về cuộc sống của dân nghèo miền núi dưới ách áp bức bóc lột của thế lực phong kiến thực dân. Đồng thời là một bài ca về sức sống khát vọng, tự do của con người miền núi, là hình ảnh con đường giải phóng và cuộc đời của họ. Tiêu biểu nhất cho những con người ấy là Mị, một nhân vật có số phận bi đát, đáng thương nhưng mang đầy phẩm chất tốt đẹp.

Mở đầu tác phẩm Tô Hoài giới thiệu Mị là một cô gái ngồi quay sợi bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa “lúc nào cũng vậy dù thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay công nước dưới khe suối lên cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Đó là hình tượng con người nô lệ bị chà đạp. Nhưng Mị là ai? _ Cô là con dâu gạt nợ nhà Pá Tra, một số phận bất hạnh.

Mị vốn là một cô gái dân tộc Mèo, con nhà nghèo. Một cô gái vừa đẹp người, đẹp nết. Không những vậy lại cần cù, đảm đang, hiếu thảo, ham sống, giàu lòng yêu đời và rất mực tài hoa. Tiếng sáo của Mị đã có sức lôi cuốn hấp dẫn đặc biệt đối với bao chàng trai Mèo. Nhưng tương lai tươi sáng, tuổi trẻ với biết bao hạnh phúc, và tình yêu đã không đến với cô gái nghèo khổ này. Mị mang bi kịch một cô gái với niềm khao khát tự do, hạnh phúc nhưng phải rơi vào nghịch cảnh trở trêu, bị dồn vào bước đường cùng không lối thoát. Chỉ vì món nợ truyền kiếp - ngày trước bố mẹ Mị cưới nhau phải vay nhà thống lý Pá Tra và cho đến lúc già, mẹ cô chết, vẫn chưa trả được nợ nên Mị phải đem thân làm dâu trừ món nợ ấy. Kể từ khi làm dâu cho nhà thống lý, Mị phải sống những chuỗi ngày đau thương, tủi nhục tăm tối. Danh nghĩa là con dâu nhà quan, nhưng thực chất Mị là một thứ nô lệ không công.

Mị không chỉ bị hành hạ về thể xác mà còn bị dày dụa về tinh thần. Đã mấy tháng liền, đêm nào Mị cũng khóc. Cô gái tội nghiệp ấy đã có lúc định kết liễu đời mình bằng nắm lá ngón, nhưng có chết thì món nợ vẫn còn, bố Mị còn khổ sở hơn bây giờ gấp nhiều lần. Vì thương bố nên Mị đành phải quay về chấp nhận cuộc đời làm nô lệ. Dưới nhiều tầng áp bức của cường quyền, thần quyền và hủ tục phong kiến miền núi, Mị phải sống kiếp sống như một con vật, thậm chí không bằng con vật. Thật không ở đâu mạng sống, nhân cách con người lại bị rẻ rúng như vậy.

Bị giam hãm dày dụa trong cái địa ngục khủng khiếp của cả nhà thống lý, Mị đang chết dần, chết mòn với năm tháng. Thân xác héo khô, tâm hồn lạnh lẽo, trống vắng. Mị gần như tê liệt sức sống. Mị mất hết ý thức về thời gian, sự chuyển biến thời gian sớm hay tối đối với Mị chẳng có ý nghĩa gì nữa: không dĩ vãng, không hiện tại và không cả tương lai. “Ồ lâu trong cái khô Mị quen với nó rồi”, “cô ngày càng không nói, lúi lúi như con rùa trong xó cửa”. Cuộc đời Mị chỉ còn thu lại qua cái khung cửa sổ bằng bàn tay “mờ mờ, trắng trắng không biết là sương hay là nắng”. Mị hầu như mất hết ý thức về bản thân và những mong muốn đổi thay cho số phận của mình, thậm chí Mị cũng không có cả ý thức về cái chết nữa.

Thật vậy, dường như sự rẻ rúng, tủi nhục là hằng số chung cho tất cả những người phụ nữ phải sống trong cái xã hội cổ hủ lúc bấy giờ. Vợ nhặt” của nhà văn Kim Lân. Đây là một thiên truyện ngắn đặc sắc với những tình huống độc đáo, hấp dẫn, mang đầy tinh thần nhân đạo. Tác phẩm “Vợ nhặt” được rút từ tập truyện ngắn “Con chó xấu xí”-một thành công đáng kể của Nam Cao.

Từ trước đến nay, đọc “Vợ nhặt”, chúng ta vẫn thường bàn nhiều hơn về hai mẹ con anh Tràng mà gần như ít chú ý đến cô vợ nhặt. Thực ra, từ nhân vật này, nhà văn Kim Lân đã thể hiện được niềm thông cảm sâu sắc của mình trước số phận éo le của người phụ nữ. Ngay từ tựa đề của tác phẩm đã gợi lên sự chua xót, mỉa mai, một nỗi đau không thể nói thành lời. “Vợ nhặt” một hành động nghe sao đơn giản mà lại dễ dàng đến như vậy? Điều đó hoàn toàn trái ngược với quan niệm của dân gian:

“Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà

Trong ba việc ấy thật là khó thay”

Vậy mà ở đây Tràng đã nhặt được vợ hẩm hoi. Anh Tràng vừa xấu xí, nghèo túng lại là dân cư ngụ không có khả năng lấy vợ thế mà “nhặt” được vợ một cách dễ

dàng, không cần phải cưới hỏi gì. Thật tủi nhục thay cho thân phận người “vợ nhặt” - vợ theo không, ngay cả cái tên thị cũng không có. Chỉ với bốn bát bánh đúc người đàn bà nghèo khổ chấp nhận theo người đàn ông chưa từng quen biết. Nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh đã từng viết: “Tình huống giống như thứ nước rửa ảnh, nó sẽ làm nổi hình, nổi sắc các nhân vật, bộc lộ các số phận, các tính cách, các tâm trạng...” Thông qua hình tượng vợ nhặt, thân phận rẻ rúng của người phụ nữ được biểu hiện một cách sinh động, cụ thể. Người vợ nhặt không được miêu tả với dáng vóc đậm đà, chắc nịch của một người phụ nữ lao động, càng không có vẻ đẹp thuần phác như chị Dậu của nhà văn Ngô Tất Tố. Ngoại hình người vợ nhặt được phác hoạ bằng một vài đường nét thiếu nữ tính: “cái ngực lép nhô lên”, “áo quần tả toí như tổ đĩa”, “thị gầy sọp” trên khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt “hai con mắt trũng hoáy”. Những chi tiết đó không thể không khiến ta nghĩ đến một cơ thể thiếu sức sống, thậm chí như một bóng ma vật vờ. Cái đói, cái khổ không chỉ làm thay đổi đi về bề ngoài của con người mà còn làm mất đi cái bản tính hiền hậu, dịu dàng đáng quý vốn có của người phụ nữ. Lần thứ hai gặp lại anh Tràng, thị “rách quá”, “quần áo tả toí gầy xọp hẳn đi”. Khi được mời ăn, thị sà xuống “cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc, chẳng chuyện trò gì”. Cái đói đã đẩy lùi sĩ diện, nhân cách, và thị đã không bán khoán theo Tràng về làm vợ chỉ với một ý nghĩ “cho khỏi đói” để sống cái đã. Xưa nay trong truyền thống đạo lí Việt Nam, chuyện tỏ tình vốn mang màu sắc tình tứ, duyên dáng, e lệ. Ấy thế mà giờ cũng chỉ trần trụi là câu chuyện lăn xả vào miếng ăn, để sau đó trở thành “vợ nhặt” của người đàn ông xa lạ kia. Thế mới biết cái đói ghê gớm như thế nào!

Bức tranh “chiếc thuyền ngoài xa” chụp cảnh một gia đình làm nghề chài lưới. Trong đó có người chồng, người cha vũ phu; có thằng Phác thương mẹ, muốn ngăn cản việc cha nó đánh mẹ... tất cả đều gây cho người đọc một ấn tượng đặc biệt. Nhưng không hiểu sao, đôi mắt và trái tim ta như bị hút theo cái người đàn bà hàng chài không tên đó. Chị không đẹp, hay nói cách khác, bệnh tật, những trận đòn và cuộc sống lao động khắc nghiệt đã bẻ gãy những nét duyên dáng của một người phụ nữ. Chị trạc ngoài bốn mươi, khuôn mặt thô kệch, mặt rỗ. Lúc nào cũng xuất hiện với gương mặt mệt mỏi, người đàn bà ấy đã trải qua một cuộc đời nhọc nhằn lam lũ. Số phận lận đận của chị dường như đã được báo hiệu ngay ở cái tuổi thanh xuân “Từ nhỏ tôi đã là một đứa con gái xấu xí, lại rỗ mặt, sau một bận lên đậu mùa”, “cũng vì xấu, trong phố không ai lấy, tôi có mang với một anh con trai làng chài giữa phá hay đến nhà tôi mua bả về đan lưới”. Những dòng tâm tự được nói ra với giọng điệu bằng bằng như một tiếng thở dài, kìm nén bao cảm xúc. Người đàn bà ấy chậm chậm kể ra bất hạnh nhan sắc của đời mình, đối với người phụ nữ ai

chẳng muốn mình xinh đẹp. Biết đâu trong những lúc suy nghĩ về cuộc đời của mình, chị một lần đã nghĩ đến hai chữ “giá như...”. Vâng, giá như có nhan sắc, số phận đã không run rủi đưa đẩy chị đến với người chồng miền biển này; giá như không quá khổ cực trong cuộc sống, ghe thuyền chật hẹp vất vả, chồng chị đã không đến nỗi dữ dằn, hung tợn... Nhưng tất cả những gì tốt đẹp và hạnh phúc sinh ra không phải dành cho người đàn bà hàng chài khốn khổ này. Cái cuộc đời quá cơ cực của chị luôn phải đối mặt với hai cơn bão táp: bão táp từ biển khơi lạnh lùng và bão táp từ người chồng vũ phu, thô bạo. Người đàn bà ấy khốn khổ và chật vật để cho từng bữa cơm, manh áo cho gia đình. Đói khổ đã trở thành nỗi ám ảnh luôn thường trực trong cuộc sống của chị. “Người đàn bà bồng chép miệng, con mắt như đang nhìn suốt cả cuộc đời mình: Giá tôi đẻ ít đi, hoặc chúng tôi sắm được một chiếc thuyền rộng hơn, từ ngày cách mạng về đã đỡ đói khổ chứ trước kia vào các vụ bắc, ông trời làm động biển suốt hàng tháng, cả nhà vợ chồng con cái toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối...”

Cả cuộc đời người đàn bà ấy gói gọn trong nỗi lo đói khổ, lo miếng cơm manh áo hàng ngày. Bão táp biển khơi đã làm chai sạm, rỗ đi, thô kệch cái vẻ phụ nữ của chị. Nhưng còn đáng sợ hơn là bão táp từ những trận “đòn” hằng ngày vẫn đổ lên trên thân xác và tâm hồn chị. Về bề ngoài và những cử chỉ của lão đàn ông - chồng chị đã phơi ra ngoài tất cả những sự dữ dằn và khắc nghiệt của mình, “Tám lưng rộng và cong như lưng một chiếc thuyền. Mái tóc tổ quạ. Lão đi chân chữ bát, bước từng bước chắc chắn, hàng lông mày cháy nắng rủ xuống hai con mắt đầy vẻ độc dữ lúc nào cũng nhìn dán vào tám lưng bạc phéch và rách rưới, nửa thân dưới ướt sũng của người đàn bà”. Ánh mắt ấy khiến cho người đọc luôn ám ảnh, đằng sau tất cả những khó khăn đè nặng, lão đàn ông nhìn chằm chằm người đàn bà, nhìn vợ mình không phải như một điểm tựa yêu thương mà nhìn như một nguồn căn của mọi sự đau khổ, khốn khó đã đè nặng lên lão. Cái ánh mắt hằn học như muốn ăn tươi nuốt sống, trút hết mọi những oán hờn lên người phụ nữ yếu đuối này. Ta hiểu, những khó khăn một phần đến từ đàn con nheo nhóc, nhưng người phụ nữ ấy có tội gì đâu! Chị đã phải cong mình lên chịu đựng những bi kịch đời thường, chịu đựng những trận đòn roi như trước đây chị vẫn thường hay chịu. “Ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng”, mật độ dày đặc, những trận đòn vẫn như mưa đổ xuống. À ời...! ai ru câu ca dao “thân em như tấm lụa đào ời...!” có làm cho chị cúi đầu nuốt dòng nước mắt đắng cay chua xót cho số phận của mình. Chị sinh ra cũng như bao người phụ nữ khác, có mạnh mẽ thì cũng chỉ là gồng mình gượng gượng, tâm hồn của chị vẫn thật yếu đuối mỏng manh. Ai nói rằng những giọt nước mắt của người đàn bà rơi xuống, nhưng bây giờ không phải chỉ vì

những trận đòn roi, mà một bàn tay nào đó đã bóp vụn trái tim và sự nhạy cảm trong tâm hồn con người ấy. Giữa xã hội phát triển đó vẫn còn là một câu hỏi xót xa!

Như vậy, hình tượng người phụ nữ đã xuất hiện trong nền văn học Việt Nam giai đoạn 1945 đến hết thế kỉ XX đầy ấn tượng và đặc sắc. Đó là những số phận đáng thương, những cuộc đời nghiệt ngã và đầy bất hạnh. Nhưng không dừng lại ở việc khai thác những nỗi đau khổ, những bất công của xã hội, của cuộc sống đã đẩy cuộc đời họ vào những bế tắc cùng cực. Mà ở đây, các nhà văn đã tô đậm lên tất cả đó là những vẻ đẹp phẩm chất thật đáng trọng- thứ ánh sáng đẹp đẽ của tâm hồn người phụ nữ. Bằng tình yêu cuộc sống, khát vọng được sống mãnh liệt và với những phẩm chất tốt đẹp vốn có của người phụ nữ họ đã vượt qua những rào cản, những bất công xã hội, vượt qua số phận bất hạnh để tìm đến hạnh phúc.

Như nhà văn Nguyễn Khải đã từng viết: “ *Sự sống nảy sinh trong cái chết, hạnh phúc hiện hữu từ trong những cái hi sinh gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy*”. Và có lẽ đây là dư âm vang sâu nhất trong tâm hồn mỗi độc giả khi đọc các tác phẩm “

Mị vốn là một cô gái Mèo xinh đẹp, trẻ trung hồn nhiên và có tài thổi sáo cô “uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo có bao nhiêu người mê, ngày đêm thổi sáo đi theo Mị “. Đây là dấu hiệu về một vẻ đẹp tâm hồn phong phú và lãng mạn, biểu hiện của một sức sống trẻ trung, rạo rực ... Mị cũng đã từng được yêu và cô cũng đã từng yêu. Trái tim giàu khao khát của cô đã từng rung động theo tiếng gọi của tình yêu, hồi hộp trước những âm thanh hò hẹn. Nhưng người con gái vùng sơn cước ấy lại bị rơi vào một cảnh sống có thể gọi là bạc mệnh, chẳng khác gì kiếp hồng nhan. ì món nợ của cha mẹ mà cô đành phải cam chịu cảnh làm con dâu gạt nợ trong nhà thống lý. Đó là cái cảnh ngộ làm dâu trên danh nghĩa còn trong thực tế chẳng khác gì kẻ ăn người ở trong nhà, không bằng con trâu con ngựa “con ngựa con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ. Đàn bà con gái nhà này thì vùi đầu vào việc đêm cả ngày, không những thế còn bị đánh, phạt, trói cho đến chết bất cứ lúc nào”. Mị mới ngày nào là cô gái tươi tắn, xinh đẹp, giờ biến thành một cái xác không hồn. Đúng là một cách diễn tả thật hay về cái ngục thất tinh thần và sự đày ải hết sức vô nhân đạo của nhà

thống lý, dần dần Mị trở nên chai sạn, cái nhựa sống trong cô gần như bị cạn kiệt. Với Mị lúc này sống dường như không còn ý nghĩa ngay đến ý thức cũng tồn tại đâu đó trong cõi xa xăm. Cô sống vật vờ y một cái bóng “lủi lủi như 1 con rùa nuôi xó cửa”.

Nhưng điều quan trọng là nhà văn đã phát hiện ra rằng bên trong tâm hồn người con gái ấy vẫn còn ẩn chứa một sức sống tiềm tàng, chỉ chờ có dịp là bùng nổ mạnh mẽ. Và trong tác phẩm của mình nhà văn đã miêu tả thành công sự trỗi dậy sức sống tiềm tàng đó bằng một quá trình phát triển tâm lý, hành động khá sâu sắc và hợp lý. Ngay sau khi bị rơi vào cảnh làm con dâu gạt nợ cho nhà thống lý, Mị cảm nắm lá ngón về nhà lạy chào vĩnh biệt cha. Cô định tự tử vì ý thức được cuộc sống tủi nhục của mình và không chấp nhận cuộc sống ấy. Nhưng sự uất ức đến nỗi muốn chết ấy lại là một biểu hiện của lòng ham sống và khát vọng tự do, vì không muốn tiếp tục một cuộc sống đầy đoạ nên cô đã tìm đến cái chết như một phương tiện giải thoát... nhưng rồi cô lại không thể chết vì còn đó món nợ truyền kiếp. Thương cha không muốn cha phải khổ và thế là Mị đành phải sống, sống mà như đã chết bởi “ở lâu trong cái khổ dần dần Mị cũng quen đi”. Chính lúc này, cô gái lại càng đáng thương hơn, bởi muốn chết nghĩa là con người ấy còn ham sống, không chấp nhận một cuộc sống không xứng đáng nhưng phải sống tủi nhục đoạ đày và không còn ý nghĩ đến cái chết, nghĩa là sự ham sống của con người dường như đã không còn nữa.

Tuy nhiên với tấm lòng nhân hậu đầy cảm thông, nhà văn vẫn nhận ra rằng khát vọng hạnh phúc trong Mị có thể bị vùi lấp, lãng quên đâu đó nhưng không thể bị tiêu tan. Trong tâm hồn trẻ trung sớm bị chai sạn vì đoạ đày, đau khổ kia vẫn còn âm ỉ đâu đó một ngọn lửa ham sống và chắc chắn nó sẽ bùng cháy mạnh mẽ hơn khi gặp những điều kiện thuận lợi. Và điều ấy đã đến, đó là vào một đêm tình mùa xuân trong ngày Tết. Năm ấy Tết dường như đến sớm hơn mọi năm, rất có không khí và tâm trạng, do đó, nó cũng khơi gợi sự sống hơn mọi năm. Khung cảnh tết năm ấy, có cái gì đó khác hẳn mọi cái tết khác ở Hồng Ngài: “Trên đầu núi, các nương ngô nương lúa đã gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các kho [...] trong cả làng mào đó, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mồm đá xoè như con bướm sặc sỡ [...] hoa thuốc phiện vừa nở trắng lại đổi ra màu đỏ hau, đỏ thắm rồi chuyển sang màu tím ngắt...” Đặc biệt, cái không khí chờ đợi tết, những đứa trẻ con chơi bi, chơi quay, tiếng sáo gọi bạn yêu lơ lửng, tha thiết bồi hồi khi đêm về v.v... Mị nghe tiếng sáo vọng lại tha thiết, bồi hồi, Mị ngồi nhắm thắm bài hát của người đang thổi sáo “mày có con trai con gái / mày đi làm nương / ta không có con trai

con gái ta đi tìm người yêu ...”

Những yếu tố ngoại cảnh đó là những nhân tố cực kỳ quan trọng dẫn đến sự diễn biến tâm lý nhân vật nó đóng vai trò của nhân tố gợi hứng đánh thức kí ức và gợi lại kỉ niệm yêu đương bị lụi vấp bấy lâu trong tâm hồn làm lụi thường ngày, trở thành tiếng gọi của sự sống mỗi lúc một rõ , một tha thiết. Thế là từ ngoại cảnh đã tác động đến cảm xúc , tâm trạng và cuối cùng là hành động . Năm đó Mị đã uống rượu “uống ừng ực từng bát” rồi say lịm người, cái say vừa gợi nhớ, vừa gây lãng quên . Nhớ những ngày còn con gái, nhớ những đêm xuân hò hẹn ... và lãng quên thực tại. Mị nhìn, nghe mà không thấy, cuộc rượu tàn lúc nào không hay : “Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng người hát [...] rượu đã tan lúc nào người về , người đi chơi đã vắng cả . Mị không biết Mị ngồi trơ một mình giữa nhà ...”. Nhưng “lòng Mị đang nhớ về ngày trước tai Mị văng vẳng tiếng gọi bạn đầu làng”. Quá khứ dồn dập trở về rất sống động , rất rõ , thiết tha ... nhưng quan trọng hơn là cái say đã mơ hồ nhớ rằng : Mị vẫn còn là một con người, Mị vẫn còn trẻ và cái quyền của một con người trong ngày tết. “Mị phoi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng trở lại như những đêm tết ngày trước. Mị trẻ lắm , Mị muốn đi chơi, bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi tết hưởng chí , A sử với Mị không có lòng với nhau nhưng phải ở với nhau ...” trong cái trạng thái nửa say, nửa tỉnh ấy, lại thêm sự thôi thúc của tiếng sáo réo rắt “gọi bạn yêu vẫn lơ lửng bay ngoài đường anh ném pao, em không bắt/ em không yêu quả pao rơi rồi” đã dẫn Mị đến một hành động chưa từng thấy kể từ khi cô bước chân vào nhà thống lý Pá tra “cô quần lạ tóc và với tay lấy váy mới , chuẩn bị đi chơi”. Nhưng chính lúc yêu đời đang trời dậy mãnh liệt , tâm hồn cô đang phoi phới trở lại cũng là lúc Mị bị vùi dập phũ phàng . Vừa lúc A Sử về biết ý định của Mị , hấn lấy dây trói nghiêng cô vào cột nhà rồi bỏ đi chơi . Suốt cái đêm đen tối bị trói đứng cái cột giữa nhà thống lý đó Mị hết thiếp đi rồi chợt tỉnh dậy , nhưng hình như cả đêm ấy , tiếng sáo dìu dặt của đám bạn trai vẫn đưa tâm hồn Mị sống lại những ngày đẹp đẽ ở quê nhà , tiếng sáo vẫn đưa cô đi theo những cuộc chơi của đám trai làng . Tâm hồn cô vẫn sống với không khí của ngày hội xuân. Cô định bước đi nhưng tay chân đã bị trói chặt cứng, không tài nào cựa quậy được . Những lúc ấy Mị bỗng ý thức được cảnh ngộ hiện tại của mình và trong lòng lại trào lên một nỗi đau xót, tủi nhục. Mị lại thẫn thức , miên mang nghĩ về thân phận không bằng con trâu , con ngựa của mình rồi dần thiếp đi . Gần sáng cô bừng tỉnh, thử cựa quậy xem mình còn sống hay đã chết , ý thức được sống lại trở về và trong lòng Mị lo sợ rằng nếu phải chết cay , chết đứng trên cái cột trói này...

Sau cái Tết ấy, những năm tháng nặng nề trong phân thân nô lệ tủi nhục của Mị tưởng lại cứ âm thầm lặng lẽ trôi đi...cho đến khi Mị chứng kiến cảnh A Phủ bị bắt trói vì tội để mất trâu của nhà thống lí. Cái cảm giác ban đầu của Mị thật thản nhiên. Mị dường như đã trở nên vô cảm trước tất cả. Một suy nghĩ thật giản đơn và có phần nhẫn tâm chiếm lĩnh tâm trí cô “Nếu A Phủ là một cái xác chết đứng đấy cũng thế thôi”. Có khi Mị cứ cả đêm nhìn ngọn lửa nhảy múa và nghĩ, những ý nghĩ tủi cực, đau xót. Cho đến hôm ấy, “trời đã khuya, Mị lại trỗi dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lé mắt trông sang thấy mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại...”thì Mị lại chợt bừng tỉnh “trông người lại nghĩ đến ta”. Hình ảnh ấy khiến Mị bỗng nhớ đến câu chuyện rừng rợn về những người đàn bà bị trói đứng cho đến chết trong nhà thống lí cũng trên cái cọc này và hồi ức đưa cô về với những lần chính mình bị đánh, bị trói trước đây...Ý nghĩ A Phủ rất có thể sẽ bị chết trong đêm nay đã hoàn toàn đánh thức tình thương và lòng căm hận trong lòng Mị. Từ thương người đến thương thân và tình thương ấy cứ lớn dần, lớn dần để rồi dẫn Mị đến với ý thức ngày càng rõ rệt hơn về một sự thật thật tàn bạo và vô lí, bất công “Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết [...]. Nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác [...]. Ta là thân đàn bà đã bị nó bắt về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi...Người kia việc gì mà phải chết...” Ý thức đó đã thôi thúc Mị đứng dậy cắt dây trói cho A Phủ và bất giác chạy theo anh, cùng trốn khỏi Hồng Ngài. Hành động bộc phát nhưng thật quyết liệt đó của Mị một phần là do sự thúc bách của tình thế khiến cô không thể làm khác, bởi cô hiểu rõ “ở đây thì chết mất”. Nhưng mặt khác, đó cũng là quá trình tất yếu của một quá trình dồn nén, bức xúc cả về thể chất lẫn tinh thần đối với Mị. Đồng thời đó cũng vừa là biểu hiện, vừa là kết quả của một sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ đã được trỗi dậy trong con người Mị, kết thúc cả quãng đời đầy ải, tối tăm của cô trong nhà thống lí để bắt đầu một cuộc đời mới. Đó chính là cái nhìn nhân đạo của Tô Hoài đối với những kiếp người bất hạnh, đau thương- một cái nhìn luôn hướng về ánh sáng, hướng về cái đẹp trong mỗi con người.

Nếu như Mị hiện lên dưới cái nhìn của Tô Hoài là một người phụ nữ với số phận đầy bi kịch nhưng từ sâu thẳm trong tâm hồn là sức sống tiềm tàng, mãnh liệt thì khi đến với nhân vật người “vợ nhặt” trong tác phẩm của Kim Lân, ta sẽ cảm nhận được cái niềm khao khát được sống, và mong muốn được “sống cho ra sống” thật đáng quý của một người phụ nữ không tên “vợ nhặt”.

Là một người đàn bà bị cái đói xô đẩy đến cảnh ngộ thật éo le và thương tâm,

phải rơi vào tình huống trở thành “vợ nhặt” nhưng chị không mất đi vẻ chất phát, thuần hậu của người phụ nữ lao động. Bị hoàn cảnh xô đẩy, dồn nén đến chỗ có nguy cơ bị chết đói nên có lúc bên ngoài thành ra trâng tráo, trơ trẽn. Nhưng đó không phải là bản chất vốn có của chị phải đến lúc cùng đường, bị rơi vào tình thế phải theo không một người đàn ông xa lạ thì bản chất con người thật của thị mới được bộc lộ rõ. Trên con đường theo Tràng về nhà, chị không khỏi cảm thấy ngượng ngùng xấu hổ, lòng chị vừa xấu hổ tủi nhục vì dẫu có là bước đường cùng chị không thể tránh khỏi cái tiếng xấu nhất đối với một người phụ nữ là “đàn bà theo giai” trong cái bối cảnh của một xã hội lạc hậu, còn đầy rẫy những định kiến nặng nề đó. Lo lắng phấp phỏng vì không biết cái gì đang chờ đợi trước mặt. Liệu người đàn ông mà chị đánh liều theo không này có giúp được cho chị khỏi phải chết đói? Liệu người thân trong gia đình của anh có thông cảm cho cảnh ngộ và chấp nhận chị. Một biến cố cuộc đời đến quá bất ngờ khiến lòng chị không yên với bao tâm trạng lo âu. Do đó, bên cạnh dáng điệu phờ phạc tự đắc của tràng, vẻ e thẹn ngượng ngập của chị càng thêm nổi bật. Riêng cái cách đi đứng của chị cũng là dấu hiệu cho thấy đây là một người phụ nữ hiền thực, đoan trang, ý tứ... “người đàn bà đi sau hén chừng 3- 4 bước, thị cắp cái thúng con đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàn nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt, thị có vẻ rón rén, e thẹn”

Cả đến lúc đã gặp cụ Tứ và đã được chấp nhận, được cảm thông, thương yêu thì trong bóng tối của căn nhà, chị vẫn không khỏi e dè khép nép. Nhà văn dường như đã hiểu thấu đến tận cùng nỗi lòng của chị và thể hiện được một cách thật tinh tế những gì đang xảy ra trong lòng người đàn bà kể từ khi chị đặt bước trên con đường xa lạ về nhà chồng. Chắc là với, chị con đường ấy dài dặt và xa lắm, bởi không biết cái gì đang chờ đợi chị, liệu chị có được đón nhận một cách dễ dàng? Liệu cái hạnh phúc “thử liền nhắm mắt đưa chân” này có cho chị được một chút ấm áp hay lại còn khốn nạn, cay đắng hơn? Liệu cái anh chàng xa lạ có vẻ cũng dễ mến này có giúp chị thoát khỏi những cảnh chết đói hãi hùng trước mặt? Bao nhiêu câu hỏi, bao nhiêu lo lắng, phấp phỏng khiến sự sốt ruột trong lòng chị đã phải bật lên thành tiếng, chị đã mấy lần sốt ruột hỏi Tràng: “sao lâu thế” “sắp đến chưa” “vẫn chưa đến à?” rồi “nhà có ai không?”... Chị hỏi vào tình cảnh phải theo không Tràng cũng chẳng qua chỉ là bất đắc dĩ cần tìm một nơi nương tựa qua ngày, hi vọng có thể may ra tránh được sự chết đói. Nên khi tận mắt chứng kiến gia cảnh của Tràng chỉ là một cái nhà vắng teo, trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những bụi cỏ dại thì chị không nén nổi một tiếng thở dài. Hóa ra cái gia cảnh của anh mới ban chiều còn vỗ vỗ vào túi khoe: “rich bo cu hủ” là thế này đây. Nhưng chị còn biết sao được nữa, chị cảm thấy thất vọng, buồn tủi, chua xót quá nên mặt cho Tràng

lặng sấn đôn đả, “thị nhép mép cười nhạt nhẽo [...], hai tay ôm khư khư cái thúng mặt bần thần. “Tại sao đứng giữa căn nhà của mẹ con Tràng rồi mà người phụ nữ kia vẫn ôm khư khư cái thúng thế?” Phải chăng vì căn nhà rúm ró của mẹ con Tràng quá ư chật chội, chị phải biết để nó ở đâu? Hay vì giờ đây cái thúng là tài sản duy nhất chị có nên chị không thể xa rời.

Không tìm được sự no đủ nhưng dầu sao, chị cũng bớt được một nỗi lo trong dạ khi biết nhà tràng chỉ có một mẹ già. Dĩ nhiên, chị hiểu đây là đỡ phức tạp, khả năng bị xua đuổi hắt hủi bị giảm xuống mức thấp nhất, mà đây chẳng phải là một nửa sự sống đó sao? Cho nên lúc ấy chị đã có thể “túm tùm cười” rồi lại đùa với Tràng “đà mỗi một mình tôi lại còn mấy u. Bé lắm đây”. Và mặc dù vẫn còn rất buồn vì thất vọng chua chát, nhưng hầu như chị chẳng nói năng gì kể từ khi chứng kiến gia cảnh của mẹ con Tràng. Nhưng trước sự cảm thông, yêu thương đùm bọc của những người xung quanh trong một mái ấm gia đình. Sáng hôm sau, chị đã sầm sấn quét dọn cùng với mẹ chồng thu vén lại nhà cửa, vườn tược như một cô con dâu thực sự trong nhà. Và chính điều ấy đã đem đến cho chị những thay đổi đến nỗi chính Tràng cũng không khỏi ngạc nhiên “Tràng nôm thị hôm nay khác lắm. Rõ là người đàn bà hiền hậu đúng mực, không có vẻ gì chua chát như mấy lần Tràng gặp ngoài tỉnh “

Đặc biệt là trong bữa ăn của một ngày mới, người nói đến “toàn chuyện vui chuyện sung sướng về sau này “ lại là bà cụ gần đất xa trời, con người nói đến đấu tranh “ phá kho thóc của Nhật chia cho người đói lại chính là chị người vợ nhặt – nhân vật duy nhất không có tên trong tác phẩm. Từng đoàn người “ những người nghèo đói ầm ầm kéo nhau đi trên đê sộp[...]cờ đỏ bay phấp phới” do câu chuyện của chị gợi ra có lẽ cũng là một dụng ý nghệ thuật, nhằm khẳng định khát vọng và sức sống mạnh mẽ của những con người như chị.

Trong tác phẩm này 1 nhân vật cũng được nhà văn dành nhiều trong miêu tả và có những thành công nổi bật là nhân vật bà cụ Tứ- mẹ của Tràng. Những gì đã diễn ra trong tấm lòng của một bà mẹ nghèo khó nhưng rất từng trải và giàu lòng nhân hậu này rất đúng để người đọc suy ngẫm. Xúc động cụ thể, hiểu hơn ai hết gia cảnh của mình cùng cảnh ngộ của con trai bà trong những ngày đói kém hiện tại. Vì vậy, lúc đầu thấy có một người đàn bà xa lạ đến nhà mình, lại gọi bằng “U”, bà hết sức ngạc nhiên. Sao lại gọi mình bằng u? Nhưng bằng kinh nghiệm và sự từng trải, qua thái độ rồi rít như một đứa trẻ và những cô phân trần cắt nghĩa không mấy rành rẽ của con trai, bà đã hiểu ra tất cả cơ sự. Kim Lân đã khôn khéo chọn

giọng điệu và ngôn ngữ nội tâm rất đáng với nhân vật để diễn tả tâm trạng của một bà lão nghèo khó, già cả nhưng vẫn còn rất nhạy cảm và từng trải “bà lão cúi đầu nín lặng” một sự nín lặng chứa đựng biết bao nỗi thương xót và trĩu nặng suy tư : bà lão hiểu rồi , lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự , vừa ai can xót thương cho số kiếp đứa con mình , chao ôi người ta dựng vợ gả chồng cho con là trong nhà lúc ăn nên làm ra , những mong sinh con mở mặt sau này còn mình thì ...Biết nó chúng nó có nuôi nổi nhau qua cơn đói khát này không “. Đó là tâm lí thương thân tủi phận . Nhưng là sự thương thân tủi phận của một người mẹ từng trải và giàu lòng nhân hậu , bởi trong cái ý nghĩ buồn tủi của bà còn chứa đựng biết bao nhiêu tình thương và trách nhiệm .Do vậy mà nó ẩn chứa bao nỗi lo lắng , dằn vặt , xót xa của tấm lòng người mẹ của tấm lòng người mẹ trước cảnh ngộ trở trêu và đáng thương của đôi con trẻ trong những ngày đói khát trước mặt.Nhưng cụ tứ thương con vô bờ bến , bà cụ đã từ chỗ tủi cho tận mình , thương cho con mình , bà lão chuyển sang cảm thông , thương xót cho người đàn bà xa lạ bỗng nhiên trở thành “vợ nhặt”con mình : “bà lão nhìn người đàn bà lòng đầy thương xót”.Tác giả đã diễn tả những ý nghĩ âm thầm , tủi cực mà đầy thông cảm của người đàn bà xa lạ ấy . “Bà lão nhìn thị và bà nghĩ : người ta có gặp bước khó khăn , đói khổ này , người ta mới lấy đến con mình , mà con mình mới được vợ ...” Vậy là tình yêu thương con , yêu thương đồng loại , một trái tim giàu lòng nhân ái bà mẹ nghèo đã vượt qua được ngưỡng định kiến hẹp hòi nặng nề trong xã hội cũ lúc ấy để đạt đến sự cảm thông lớn lao .Bà đã chấp nhận con dâu sáng hôm sau , bà lão xăm xắn nhanh nhẹn khác hẳn ngày thường .Bà vui tươi quét dọn cùng với cô con dâu bữa ăn đầu tiên của ngày .Người mẹ nhân hậu và từng trải muốn nhom nhén một niềm vui sống , niềm hi vọng mới giúp con người có thêm sức sống để vượt qua những khắc nghiệt của đói nghèo hiện tại , hướng tới một cuộc sống tốt đẹp hơn . Cái nhìn đầy cảm thông , yêu thương của bà cụ tứ đối với con dâu hay đó cũng là cái nhìn đầy nhân đạo của Kim Lân đối với nhân vật người vợ nhặt” một số phận đáng thương, một tâm hồn đáng quý .“Dù kề bên cái chết vẫn khát khao hạnh phúc , vẫn hướng về ánh sáng vẫn tin vào sự sống và hi vọng ở hiện tại , vẫn muốn sống , sống cho ra người”. Đó là nhân vật của Kim Lân !

Bước vào thế giới nhân vật của Nguyễn Minh Châu , ta sẽ bắt gặp hình ảnh người đàn bà làng chài – là hiện thân cho mảnh đời tăm tối , cơ cực vẫn còn tồn tại trong cuộc sống quanh ta qua truyện ngắn “chiếc thuyền ngoài xa”. Một cuộc sống gia đình với nạn bạo hành mà chị phải gánh chịu của người chồng vũ phu, tàn bạo: “ ... Chẳng nói chẳng rằng , lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà , lão vừa đánh vừa thở hồng hộc

hai hàm răng nghiêng ken kết, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyên rửa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn ...”. Theo chị kể người chồng chị trước đây là một anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm không bao giờ đánh đập tôi”. Nhưng rồi việc trốn lính làm cho khuynh gia bại sản, rồi hoàn cảnh sống suốt ngày lênh đênh trên một con thuyền “đám đàn bà trên thuyền đẻ nhiều con quá” vất vả cơ cực đã nhimm vào người đàn ông chài thoi vũ phu hoặc nghiện ngập: “bất kể lúc nào thấy mặt lại lôi tôi ra đánh, cũng như đàn ông thuyền khác uống rượu ... giá mà lão uống rượu ... thì tôi còn đỡ khổ”. Một sự nhẫn nhục cam chịu dường như quá sức đối với chị. Nhưng từ sâu thẳm tâm hồn, một sự thấu hiểu hiểu người và hiểu đời, một tình yêu thủy chung, son sắc, đáng thương. Để “nuôi dặng một sắp con” chị đã chịu đựng nhin nhục một cách thật nhẫn nại đến mức khó hiểu, mặc cho chồng cứ đánh, cứ chửi “người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục, không hề kêu lên một tiếng, chống trả, chạy trốn”. Chị càng không dám bỏ người chồng vũ phu, độc ác ấy với chỉ một lý do cũng rất đơn giản “cuộc mưu sinh khó nhọc, đầy bất trắc trên một chiếc thuyền chài lênh đênh sông nước không thể thiếu một người đàn ông”

Và ở người đàn bà lam lũ khốn khổ đó, ta cũng nhận thấy le lói ánh sáng những hạt ngọc lấp lánh của tâm hồn còn khuất lấp trong cái u tối, cay cực của đời chị. Chị phải chấp nhận cuộc sống cay cực với mọi cực hình, chịu đựng sự đánh đập hàng ngày của chồng vì chị hiểu rất rõ hoàn cảnh của mình, hiểu rõ cái khắc nghiệt của đời sống và hiểu rõ con người, chị không đồng ý ly hôn với người chồng vũ phu theo lời khuyên của Đẩu –viên chánh án toà án huyện và nói với Đẩu “lòng các chú tốt nhưng các chú đâu hiểu được cái việc của những người làm ăn khó nhọc”. Chị hiểu nỗi bế tắc, khốn khổ của người chồng và hơn cả chị hiểu thiên chức làm mẹ của mình. Phải chăng cũng chỉ vì thiên chức đó mà chị phải xin chồng không đánh chị trên thuyền, trước mặt các con mà được bị đánh ở bãi xe tăng hồng bên bờ biển. Chị không muốn đàn con đói khổ của chị bị tổn thương. Vì thế mặc cho thằng chồng vũ phu ra sức đánh đập, chị không hề kêu khóc, nhưng khi biết đứa con bé bỏng của mình chứng kiến người bố đánh mẹ chúng thì chị “vô cùng đau đớn và sáu hỏ, nhục nhã” cứ hét ôm chầm lấy con chị lại vái lấy vái để trước mặt nó. Đau đớn vì rút cuộc, cái tình cảnh khốn nạn của chị vẫn không giấu nổi các con không tránh được sự tổn thương trong tâm hồn, tình cảm của chúng. Xấu hổ và bất lực vì sự nhục nhã của mình, vì sự thật về cái tình cảnh khốn nạn của mình mà chị muốn giấu kín thì đã bị phơi bày ra hết. Và có lẽ cũng vì thiên chức đó mà chị chấp nhận tình trạng bị hành hạ, chấp nhận cả cuộc đời cay đắng và đen tối chỉ để mong có được niềm hạnh phúc thật bình dị, thật nhỏ nhoi: “cũng có

lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hoà thuận vui vẻ “hoặc” vui nhất là lúc nhìn đàn con tôi chúng nó đã căn no”...phải chăng ,đó chính là cái thứ ánh sáng lấp lánh của những hạt ngọc tình mẫu tử ,tấm lòng bao dung vị tha và đức hi sinh của những người phụ nữ lao động trong những mảnh đời còn nhiều cơ cực tăm tối quanh ta? Có điều , những hạt ngọc đó còn quá lắm láp và nhiều vết vỡ bởi nó còn lẫn trong buồn đất , trong cát bụi của sự nghèo đói,lạc hậu , tối tăm ...

Như vậy, một sức sống tiềm tàng mãnh liệt, một niềm khao khát sống, niềm tin yêu và đức hi sinh cao cả đã phát họa nên bức chân dung về vẻ đẹp tâm hồn và phẩm chất của người phụ nữ trong nền văn học Việt Nam giai đoạn 1945 đến hết thế kỉ XX.

Người phụ nữ đã đến và để lại cho nền văn học Việt Nam bức tượng đài bất hủ của những con người không bao giờ chịu khuất phục trước hoàn cảnh, luôn đi tìm, hướng tới những gì tốt đẹp, tươi sáng trong cuộc đời. Họ luôn là những mẫu hình lí tưởng về người phụ nữ Việt Nam thời kì đó, cho hôm nay và cả về sau.Họ luôn trường tồn trong tâm thức người đọc là “Những con người đáng thương nhưng đáng trọng.”